

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen
và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26/11/2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 432/TTr-SNV ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tặng Bằng khen 19 tập thể, 59 cá nhân và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” 07 tập thể đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước tỉnh Bắc Giang năm 2023.

(có danh sách, mức tiền thưởng kèm theo)

Điều 2. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh; các cơ quan liên quan và tập thể, cá nhân có tên trong danh sách kèm theo tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH;
 - + Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương

DANH SÁCH
Tập thể, cá nhân được Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen
và danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” năm 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh (19 tập thể, 59 cá nhân):

TT	Tên tập thể, cá nhân	Tiền thưởng (đồng)
1.	Văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.600.000
2.	Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.600.000
3.	Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.600.000
4.	Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang	3.600.000
5.	Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và Điều trị bệnh động vật, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.600.000
6.	Chi cục Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3.600.000
7.	Phòng Quản lý xây dựng, Sở Xây dựng	3.600.000
8.	Văn phòng, Sở Xây dựng	3.600.000
9.	Phòng Hành chính - Tổng hợp, Ban Quản lý Trụ sở liên cơ quan và nhà ở sinh viên tỉnh, Sở Xây dựng	3.600.000
10.	Thanh tra, Sở Công Thương	3.600.000
11.	Phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	3.600.000
12.	Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công Thương	3.600.000
13.	Thanh tra, Sở Tài nguyên và Môi trường	3.600.000
14.	Bến Xe khách Bắc Giang, Sở Giao thông vận tải	3.600.000
15.	Đội Quản lý thị trường số 3, Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	3.600.000
16.	Phòng Tài chính - Kế hoạch, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	3.600.000
17.	Phòng Quản lý dự án 1, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang	3.600.000
18.	Phòng Quản lý dự án 4, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang	3.600.000
19.	Phòng Quản lý Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang	3.600.000
20.	Bà Phan Thị Thế, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
21.	Ông Lê Thành Chung, Nguyên Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000

22.	Ông Nguyễn Văn Thành, Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
23.	Ông Thân Bá Dũng, Thanh tra viên, Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
24.	Ông Lã Mạnh Cường, Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
25.	Ông Giáp Mạnh Hoàng, Chuyên viên Phòng Quản lý thủy sản, Chi cục Thủy sản, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
26.	Ông Lương Quang Ngọc, Bảo vệ viên bảo vệ thực vật hạng III, Trạm Kiểm dịch thực vật nội địa, Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
27.	Bà Nguyễn Thị Nga, Chuyên viên Văn phòng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
28.	Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Chuyên viên Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
29.	Ông Nguyễn Đăng Phó, Chẩn đoán viên bệnh động vật hạng III, Trạm Kiểm dịch đầu mối giao thông Lục Nam, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
30.	Ông Nguyễn Văn Hà, Chuyên viên, Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bắc Giang	1.800.000
31.	Bà Ngô Thị Tình, Kiểm lâm viên, Hạt Kiểm lâm Lục Nam, Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.800.000
32.	Bà Nguyễn Thị Hạnh, Chánh Văn phòng, Sở Xây dựng	1.800.000
33.	Ông Nguyễn Mạnh Dũng, Chuyên viên Phòng Quản lý xây dựng, Sở Xây dựng	1.800.000
34.	Ông Nguyễn Tiến Dũng, Chuyên viên Phòng Giám định và quản lý chất lượng xây dựng, Sở Xây dựng	1.800.000
35.	Ông Nguyễn Trọng Dũng, Chuyên viên Phòng Quản lý nhà và thị trường bất động sản, Sở Xây dựng	1.800.000
36.	Ông Khuông Hoàng Dương, Chuyên viên Phòng Phát triển đô thị và hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng	1.800.000
37.	Ông Nguyễn Hữu Dũng, Phó Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng công trình xây dựng tỉnh, Sở Xây dựng	1.800.000
38.	Bà Nguyễn Thị Hải, Trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp, Ban Quản lý trụ sở liên cơ quan và nhà ở sinh viên tỉnh, Sở Xây dựng	1.800.000
39.	Ông Đặng Tiến Dũng, Trưởng phòng Quản lý công nghiệp, Sở Công Thương	1.800.000
40.	Bà Thân Thị Hào, Phó Chánh Văn phòng, Sở Công Thương	1.800.000
41.	Bà Nguyễn Hồng Phượng, Chuyên viên Phòng Quản lý thương mại, Sở Công Thương	1.800.000
42.	Ông Vũ Trí Khương, Trưởng phòng Khuyến công và Tiết kiệm năng lượng, Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại, Sở Công Thương	1.800.000

43.	Ông Vũ Hoàng Giang, Giám đốc Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
44.	Bà Nguyễn Thị Hồng, Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
45.	Ông Nguyễn Văn Cường, Phó Chánh Thanh tra, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
46.	Bà Hà Thị Miên, Chuyên viên Văn phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
47.	Ông Nguyễn Văn Vĩnh, Chuyên viên Phòng Kế hoạch tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
48.	Ông Phạm Duy Cao, Chuyên viên Phòng Đo đạc bản đồ và Viễn Thám, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
49.	Bà Dương Khánh Thảo, Kế toán Chi cục Bảo vệ môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
50.	Bà Phạm Hương Lưu, Phó Trưởng phòng Phân tích, hóa nghiệm, Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
51.	Bà Ngô Thị Thu Hiền, Viên chức Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất, Sở Tài nguyên và Môi trường	1.800.000
52.	Bà Đỗ Hương Huyền, Phó Trưởng phòng Kế hoạch tài chính, Sở Giao thông vận tải	1.800.000
53.	Ông Phạm Trọng Sành, Chuyên viên Phòng Quản lý kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải	1.800.000
54.	Ông Nguyễn Văn Trường, Phó Giám đốc Bến xe khách Bắc Giang, Sở Giao thông vận tải	1.800.000
55.	Ông Dương Văn Thanh, Đội trưởng Đội Thanh tra giao thông vận tải số 4, Thanh tra Sở Giao thông vận tải	1.800.000
56.	Ông Thân Nhân Lượng, Trưởng phòng Nghiệp vụ- Tổng hợp, Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	1.800.000
57.	Bà Nguyễn Thị Liên, Kiểm soát viên thị trường Phòng Tổ chức-Hành chính, Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	1.800.000
58.	Bà Nguyễn Thị Hương Giang, Kiểm soát viên thị trường Phòng Thanh tra - Pháp chế, Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	1.800.000
59.	Ông Trần Ngọc Đạt, Phó Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 1, Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	1.800.000
60.	Ông Trần Trọng Phong, Phó Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 4, Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	1.800.000
61.	Ông Nguyễn Văn Sỹ, Phó Đội trưởng Đội Quản lý thị trường số 5, Cục Quản lý thị trường tỉnh Bắc Giang	1.800.000
62.	Bà Trần Thị Tuyết Trinh, Nhân viên Phòng Tổ chức - Hành chính, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000

63.	Ông Giáp Văn Phương, Phó Trưởng phòng Tài chính- Kế hoạch, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
64.	Ông Nguyễn Văn Hiền, Trưởng phòng Quản lý dự án giám sát công trình nông nghiệp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
65.	Ông Lê Văn Tuyền, Phó Trưởng phòng Kỹ thuật - Tổng hợp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
66.	Bà Đào Hồng Nhung, Nhân viên Phòng Kỹ thuật - Tổng hợp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
67.	Ông Nguyễn Văn Chuyên, Nhân viên Phòng Quản lý dự án giám sát công trình giao thông 1, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
68.	Ông Ngô Đức Sinh, Nhân viên Phòng Quản lý dự án giám sát công trình giao thông 1, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
69.	Bà Văn Hồng Loan, Kế toán viên Phòng Kế hoạch - Tài vụ, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
70.	Ông Nguyễn Văn Nam, Chuyên viên Phòng Quản lý dự án 2, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
71.	Ông Dương Văn Hưng, Trưởng phòng Quản lý Doanh nghiệp, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
72.	Bà Nguyễn Thị Thu, Nhân viên Văn phòng, Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang	1.800.000
73.	Ông Lê Văn Dũng, Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Giang	1.800.000
74.	Ông Trần Sỹ Nam, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hòa Phú Invest	1.800.000
75.	Ông Nguyễn Văn Xuất, Chủ tịch Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng tỉnh Bắc Giang	1.800.000
76.	Bà Nguyễn Thị Loan, Chủ tịch Hội Nữ doanh nhân tỉnh Bắc Giang	1.800.000
77.	Ông Nguyễn Ngọc Hưng, Tổng Thư ký Liên đoàn cầu lông tỉnh Bắc Giang	1.800.000
78.	Bà Giáp Thị Phượng, Tổng Thư ký Hội Doanh nhân trẻ tỉnh Bắc Giang	1.800.000
Tổng		174.600.000

II. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc (07 Tập thể)

TT	Tên tập thể	Tiền thưởng (đồng)
1.	Thanh tra, Sở Xây dựng	2.700.000
2.	Văn phòng, Sở Tài nguyên và Môi trường	2.700.000
3.	Trung tâm Quan trắc tài nguyên môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường	2.700.000
4.	Văn phòng, Sở Giao thông vận tải	2.700.000
5.	Phòng Kế hoạch tài chính, Sở Giao thông vận tải	2.700.000
6.	Phòng Quản lý Kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, Sở Giao thông vận tải	2.700.000
7.	Phòng Quản lý dự án giám sát công trình nông nghiệp, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông, nông nghiệp tỉnh Bắc Giang	2.700.000
Tổng		18.900.000

Tổng số tiền thưởng (mục I+II) là **193.500.000 đồng** (Một trăm chín mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng), được chi từ Quỹ thi đua, khen thưởng tỉnh./.